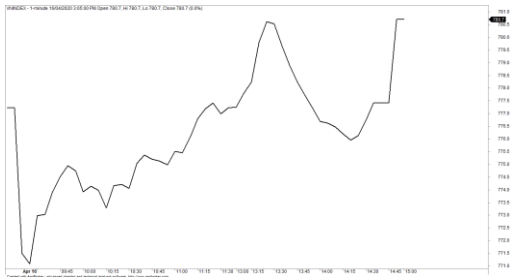


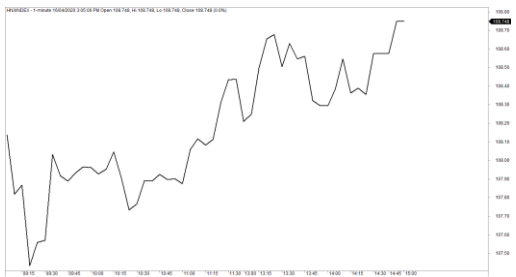
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	780.70	108.75	51.54
% ngày	0.45%	0.38%	0.05%
% tuần	3.90%	4.23%	2.39%
% tháng	2.03%	6.86%	2.02%
% năm	-20.93%	0.58%	-9.06%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	3,921	451	226
TB 1 tuần	4,243	579	229
TB 1 tháng	4,102	523	242
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	509.37	1.32	16.79
Bán	688.68	17.93	36.28
Giá trị ròng	-179.31	-16.61	-19.49
Độ rộng TT			
Mã Tăng	168	82	88
Mã Giảm	145	67	97
Không Đổi	79	225	718
Chỉ số chính			
P/E	12.08	9.38	12.40
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	2,701	203	770
LS Cổ tức	3.14%	5.94%	5.52%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

VN-Index giằng co mạnh trong phần lớn thời gian của phiên giao dịch khi tâm lý thận trọng trong phiên đảo hạn hợp đồng tương lai T4. Các chỉ số sàn HSX bất ngờ đảo chiều trong phiên ATC với VN-Index chốt phiên tại 780.7 điểm tăng 0.45%. Chỉ số HNX-Index tăng 0.38% đóng cửa tại 108.75 điểm; chỉ số Upcom-Index không có nhiều biên độ khi đóng cửa gần như không thay đổi. Giá trị giao dịch khỏp lệnh toàn thị trường đạt tầm 3,600 tỷ đồng giảm gần 15% so với phiên liền trước.

Độ rộng thị trường cân bằng trong phiên hôm nay với số mã tăng mã giảm gần tương đương nhau cho thấy xung lực tăng có dấu hiệu suy yếu dần. SAB(+3%), CTD(+4.8%) ghi nhận phiên tăng mạnh thứ 2 liên tiếp của 2 cổ phiếu này đóng cửa lần lượt tại 157,600 đồng/cp, 59,400 đồng/cp. VJC được kéo mạnh trong phiên ATC đóng cửa tại 116,000 đồng/cp tăng 4.7%.

Nhóm Mid-Cap duy trì xung lực tăng tích cực tiêu biểu là các mã PVT(+7%), YEG(+7%), BMI(+6.8%), FRT(+6.8%), HDG(+6.8%), CII(+6.7%), AAA(+3%) ...

Khối ngoại tiếp tục xu hướng bán ròng với giá trị 215 tỷ đồng toàn thị trường. VIC(40.2 tỷ), VNM(35.8 tỷ) là các mã dẫn đầu danh sách bán ròng. Ở chiều ngược lại, chỉ mỗi VRE(19.8 tỷ) được mua ròng hơn 10 tỷ

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng áp lực bán sẽ gia tăng trong vài phiên tới tại vùng kháng cự 778 – 810 điểm của chỉ số VN-Index. Đồng thời, theo quan sát của chúng tôi, thị trường vẫn đang trong giai đoạn tích lũy cho nên chỉ số VN-Index chưa thể vượt được hoàn toàn vùng kháng cự 778 – 810 điểm và dòng tiền vẫn có thể phân hóa, nhưng thị trường khó có thể kiếm lợi nhuận tốt tại vùng giá này. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục tăng mạnh và tiến vào vùng cảnh báo rủi ro ngắn hạn.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số chính với mức hỗ trợ ở mức 735.10 điểm của chỉ số VN-Index và 101.07 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tiếp tục nắm giữ danh mục hiện tại và không gia tăng thêm tỷ trọng cổ phiếu ở vùng giá hiện tại hoặc không mua mới vào thời điểm này khi cơ hội tìm kiếm lợi nhuận trong ngắn hạn gặp nhiều khó khăn.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 82% cổ phiếu/28% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).

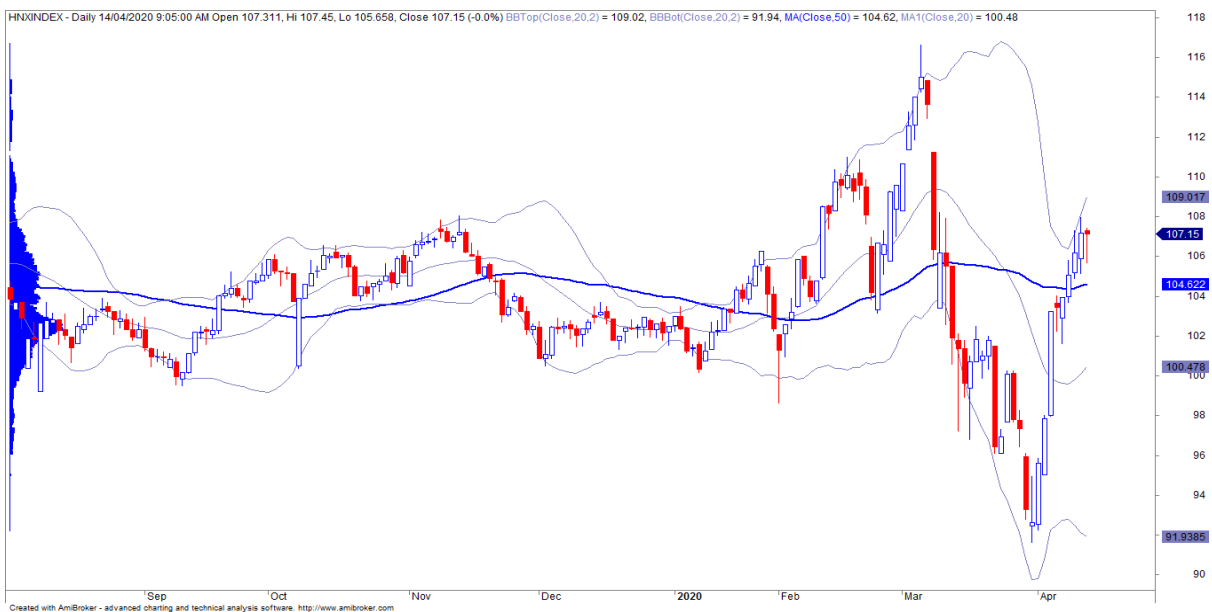


We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	GIẢM	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	TĂNG	106	108	99	90
Chỉ số VN30	TĂNG	GIẢM	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	TĂNG	GIẢM	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	TĂNG	GIẢM	835	845	822	804

We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	11.90	TĂNG	GIẢM	10.80	10.16	10.19%			11.95		
ACB	20.40	TĂNG	GIẢM	20.60	17.97	-0.97%			22.19		
ACV	54.40	TĂNG	GIẢM	49.50	48.62	9.90%			56.34		
ANV	17.40	TĂNG	TĂNG	14.85	15.69	17.17%			16.44		
ASM	4.80	TĂNG	TĂNG	4.15	4.19	15.66%			4.56		
BFC	11.95	TĂNG	TĂNG	11.95	11.32	0.00%	MUA		11.56		
BID	37.30	TĂNG	GIẢM	36.70	33.99	1.63%			40.35		
BMP	42.30	TĂNG	TĂNG	37.95	37.51	11.46%			40.61		
BSR	5.70	TĂNG	GIẢM	6.10	4.99	-6.56%			6.90		
BVH	48.25	TĂNG	TĂNG	39.50	42.86	22.15%			46.90		
BWE	19.00	TĂNG	GIẢM	18.00	16.96	5.56%			19.61		
CEO	6.70	TĂNG	GIẢM	6.80	6.06	-1.47%			7.29		
CII	20.00	GIẢM	GIẢM		20.36				21.58		
CMG	28.75	TĂNG	TĂNG	25.50	25.16	12.75%			28.03		
CMX	12.00	TĂNG	TĂNG	11.70	10.67	2.56%		13.50	9.24	-11.11%	
CSM	14.80	TĂNG	TĂNG	14.80	14.58	0.00%	MUA	12.25	13.53	20.82%	
CTD	59.40	TĂNG	GIẢM	54.20	49.00	9.59%			61.46		
CTG	19.80	TĂNG	GIẢM	20.10	17.93	-1.49%			21.98		
CTR	37.50	TĂNG	GIẢM	34.50	33.04	8.70%			39.76		
CVT	17.80	TĂNG	TĂNG	16.90	16.59	5.33%			17.79		
DCM	6.55	TĂNG	TĂNG	5.86	6.09	11.77%		6.40	6.22	2.34%	MUA
DGC	23.40	TĂNG	GIẢM	22.50	20.81	4.00%			24.23		
DGW	22.90	TĂNG	GIẢM	20.40	21.33	12.25%			23.06		
DHA	29.50	GIẢM	GIẢM		29.63				32.52		
DHC	34.25	TĂNG	GIẢM	34.00	32.49	0.74%			36.68		
DHG	89.00	TĂNG	GIẢM	82.50	83.32	7.88%			93.96		
DIG	11.55	TĂNG	GIẢM	11.55	11.53	0.00%	MUA		12.63		
DPG	26.30	TĂNG	GIẢM	24.90	23.88	5.62%			29.59		
DPM	13.95	TĂNG	TĂNG	12.05	13.09	15.77%		13.70	12.75	1.82%	MUA
DPR	35.40	GIẢM	GIẢM		36.06				39.12		
DQC	17.10	TĂNG	TĂNG	16.75	15.51	2.09%		16.00	13.48	6.88%	
DRC	18.50	TĂNG	GIẢM	16.70	15.90	10.78%			18.80		
DXG	9.25	TĂNG	GIẢM	8.89	8.12	4.05%			10.75		
EIB	15.15	GIẢM	GIẢM		16.39				17.15		

We Create Fortune

FCN	8.19	TĂNG	GIẢM	7.58	7.66	8.05%			8.61		
FMC	21.20	TĂNG	TĂNG	18.70	18.89	13.37%		19.95	19.54	6.27%	MUA
FPT	50.30	TĂNG	TĂNG	44.60	46.68	12.78%			49.62		
GAS	67.40	TĂNG	GIẢM	63.00	62.36	6.98%			70.18		
GEX	16.00	TĂNG	GIẢM	14.60	14.65	9.59%			16.57		
GIL	16.20	GIẢM	GIẢM		16.52				19.38		
GMD	17.40	TĂNG	GIẢM	16.50	15.47	5.45%			17.73		
GTN	15.20	TĂNG	GIẢM	15.00	13.60	1.33%			17.14		
GVR	10.80	TĂNG	GIẢM	10.10	9.70	6.93%			11.07		
HAG	3.17	TĂNG	GIẢM	2.81	2.89	12.81%			3.22		
HAX	11.95	TĂNG	GIẢM	11.30	11.11	5.75%			12.65		
HBC	7.85	TĂNG	GIẢM	7.31	6.70	7.39%			8.49		
HCM	16.45	TĂNG	TĂNG	13.55	14.63	21.40%		15.45	15.29	6.47%	MUA
HDB	20.95	TĂNG	GIẢM	20.50	18.37	2.20%			22.50		
HDC	17.35	TĂNG	GIẢM	16.90	15.15	2.66%			18.98		
HDG	24.40	TĂNG	TĂNG	18.95	20.06	28.76%			21.43		
HNG	12.75	TĂNG	GIẢM	12.80	11.94	-0.39%			13.55		
HPG	20.25	TĂNG	TĂNG	18.85	18.47	7.43%			19.92		
HSG	6.50	TĂNG	TĂNG	5.56	5.66	16.91%			6.20		
HT1	12.50	TĂNG	TĂNG	11.95	11.03	4.60%			12.34		
HUT	1.50	TĂNG	GIẢM	1.60	1.26	-6.25%			1.94		
HVN	24.35	TĂNG	TĂNG	20.65	20.92	17.92%			23.04		
KBC	11.90	TĂNG	GIẢM	11.75	10.82	1.28%			12.90		
KDH	20.60	TĂNG	GIẢM	20.00	19.07	3.00%			20.98		
KSB	15.50	TĂNG	GIẢM	14.00	13.21	10.71%			16.48		
LCG	5.10	TĂNG	GIẢM	4.51	4.38	13.08%			5.15		
LDG	5.10	TĂNG	GIẢM	4.93	4.32	3.45%			5.81		
LHG	14.00	TĂNG	TĂNG	12.60	12.62	11.11%			13.83		
LPB	7.20	TĂNG	GIẢM	7.10	5.88	1.41%			7.48		
MBB	16.50	TĂNG	GIẢM	15.75	14.86	4.76%			16.97		
MPC	23.70	TĂNG	TĂNG	20.80	19.75	13.94%		24.10	17.84	-1.66%	
MSN	60.80	TĂNG	TĂNG	52.30	56.49	16.25%		60.20	56.41	1.00%	MUA
MSR	15.00	TĂNG	GIẢM	15.00	14.16	0.00%			16.05		
MWG	76.90	TĂNG	GIẢM	69.90	68.92	10.01%			77.50		
NDN	16.70	TĂNG	TĂNG	15.80	15.17	5.70%		16.20	16.08	3.09%	MUA
NKG	5.72	TĂNG	GIẢM	5.27	5.02	8.54%			6.27		
NLG	21.00	TĂNG	GIẢM	20.80	19.50	0.96%			23.41		
NT2	19.00	TĂNG	GIẢM	18.10	17.42	4.97%			19.04		
NTL	17.25	TĂNG	GIẢM	17.50	15.68	-1.43%			19.42		



We Create Fortune

NVL	51.90	GIẢM	GIẢM		52.71				55.62		
OIL	6.60	GIẢM	GIẢM		6.67				7.56		
PAC	20.30	TĂNG	TĂNG	18.85	19.05	7.69%			20.24		
PC1	13.50	TĂNG	TĂNG	11.80	12.16	14.41%			13.23		
PDR	24.80	GIẢM	GIẢM		25.74				26.58		
PHR	42.85	TĂNG	GIẢM	38.85	38.52	10.30%			43.64		
PLX	41.00	TĂNG	GIẢM	39.97	37.20	2.58%			43.61		
PNJ	59.00	TĂNG	GIẢM	55.50	52.85	6.31%			59.33		
POW	8.95	TĂNG	GIẢM	8.14	8.26	9.95%			9.14		
PVT	9.65	TĂNG	GIẢM	8.61	8.36	12.08%			10.00		
PPC	24.50	TĂNG	GIẢM	23.60	23.20	3.81%			25.05		
PTB	43.35	TĂNG	GIẢM	39.35	38.66	10.17%			45.17		
PVB	12.20	TĂNG	TĂNG	9.60	10.77	27.08%		11.50	10.98	6.09%	MUA
PVD	9.60	TĂNG	TĂNG	8.06	8.61	19.11%			9.55		
PVI	32.50	TĂNG	TĂNG	29.70	28.94	9.43%		30.70	30.34	5.86%	MUA
PVS	11.90	TĂNG	GIẢM	11.30	10.61	5.31%			12.44		
PXS	3.70	TĂNG	TĂNG	3.08	3.42	20.13%			3.63		
QNS	22.40	TĂNG	GIẢM	22.60	21.77	-0.88%			25.30		
REE	30.80	TĂNG	GIẢM	30.20	28.75	1.99%			31.90		
SAB	157.60	TĂNG	TĂNG	137.00	133.15	15.04%			152.82		
SAM	9.24	GIẢM	TĂNG		9.46			7.40	8.90	24.86%	
SCR	4.12	TĂNG	GIẢM	4.30	3.69	-4.19%			4.82		
SHI	8.70	TĂNG	GIẢM	8.70	8.06	0.00%			9.06		
SJS	18.85	TĂNG	GIẢM	17.10	16.85	10.23%			19.09		
SKG	8.89	TĂNG	GIẢM	7.90	8.26	12.53%			9.18		
SSI	13.35	TĂNG	TĂNG	13.25	12.14	0.75%		13.30	13.03	0.38%	MUA
STB	9.72	TĂNG	TĂNG	8.93	8.55	8.85%			9.71		
TCB	17.55	TĂNG	GIẢM	16.95	15.97	3.54%			18.37		
TCM	15.30	TĂNG	GIẢM	13.45	14.33	13.75%			15.44		
TDH	8.30	TĂNG	TĂNG	6.73	6.91	23.33%			7.37		
TLH	2.70	GIẢM	GIẢM		2.74				3.12		
TNG	13.20	TĂNG	TĂNG	9.70	11.50	36.08%		11.70	11.21	12.82%	MUA
VCB	71.20	TĂNG	GIẢM	65.00	64.73	9.54%			73.63		
VCG	25.00	GIẢM	GIẢM		25.24				26.09		
VCS	65.00	TĂNG	GIẢM	57.30	55.32	13.44%			68.26		
VGC	16.45	TĂNG	TĂNG	14.90	14.74	10.40%			16.05		
VGT	8.30	TĂNG	TĂNG	7.10	7.47	16.90%			8.06		
VHC	29.20	TĂNG	TĂNG	25.10	25.04	16.33%			27.51		
VHM	67.50	TĂNG	TĂNG	66.00	61.85	2.27%		67.10	66.94	0.60%	MUA



We Create Fortune

VIB	14.70	TĂNG	GIẢM	14.70	14.64	0.00%	MUA		15.52		
VIC	95.90	TĂNG	TĂNG	86.80	86.92	10.48%		95.00	91.02	0.95%	MUA
VIP	4.30	TĂNG	GIẢM	4.33	3.99	-0.69%			4.57		
VJC	116.00	TĂNG	TĂNG	109.10	106.19	6.32%			111.65		
VND	11.70	GIẢM	GIẢM		12.19				12.80		
VNG	12.75	GIẢM	GIẢM		13.48				14.72		
VNM	99.30	TĂNG	GIẢM	94.00	94.13	5.64%			102.01		
VPB	21.75	TĂNG	GIẢM	19.45	19.79	11.83%			22.03		
VPI	41.45	TĂNG	TĂNG	42.00	40.49	-1.31%		41.30	40.58	0.36%	
VRC	5.35	TĂNG	GIẢM	5.35	5.29	0.00%	MUA		7.77		
VRE	26.50	TĂNG	TĂNG	20.85	23.22	27.10%		23.80	23.66	11.34%	MUA
VSC	23.40	TĂNG	GIẢM	21.50	20.83	8.84%			23.65		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	20.40	TĂNG	GIẢM	20.60	17.97	-0.97%			22.19		
BID	37.30	TĂNG	GIẢM	36.70	33.99	1.63%			40.35		
BSR	5.70	TĂNG	GIẢM	6.10	4.99	-6.56%			6.90		
BVH	48.25	TĂNG	TĂNG	39.50	42.86	22.15%			46.90		
CTG	19.80	TĂNG	GIẢM	20.10	17.93	-1.49%			21.98		
FPT	50.30	TĂNG	TĂNG	44.60	46.68	12.78%			49.62		
GAS	67.40	TĂNG	GIẢM	63.00	62.36	6.98%			70.18		
GEX	16.00	TĂNG	GIẢM	14.60	14.65	9.59%			16.57		
GVR	10.80	TĂNG	GIẢM	10.10	9.70	6.93%			11.07		
HDB	20.95	TĂNG	GIẢM	20.50	18.37	2.20%			22.50		
HNG	12.75	TĂNG	GIẢM	12.80	11.94	-0.39%			13.55		
HPG	20.25	TĂNG	TĂNG	18.85	18.47	7.43%			19.92		
HVN	24.35	TĂNG	TĂNG	20.65	20.92	17.92%			23.04		
KDH	20.60	TĂNG	GIẢM	20.00	19.07	3.00%			20.98		
MBB	16.50	TĂNG	GIẢM	15.75	14.86	4.76%			16.97		
MSN	60.80	TĂNG	TĂNG	52.30	56.49	16.25%		60.20	56.41	1.00%	MUA
MWG	76.90	TĂNG	GIẢM	69.90	68.92	10.01%			77.50		
NVL	51.90	GIẢM	GIẢM		52.71				55.62		
OIL	6.60	GIẢM	GIẢM		6.67				7.56		
PLX	41.00	TĂNG	GIẢM	39.97	37.20	2.58%			43.61		
PNJ	59.00	TĂNG	GIẢM	55.50	52.85	6.31%			59.33		

We Create Fortune

POW	8.95	TĂNG	GIẢM	8.14	8.26	9.95%			9.14		
QNS	22.40	TĂNG	GIẢM	22.60	21.77	-0.88%			25.30		
REE	30.80	TĂNG	GIẢM	30.20	28.75	1.99%			31.90		
ROS	4.00	TĂNG	GIẢM	4.28	3.52	-6.54%			6.80		
SBT	14.20	TĂNG	GIẢM	14.00	12.72	1.43%			15.86		
SSI	13.35	TĂNG	TĂNG	13.25	12.14	0.75%		13.30	13.03	0.38%	MUA
STB	9.72	TĂNG	TĂNG	8.93	8.55	8.85%			9.71		
TCB	17.55	TĂNG	GIẢM	16.95	15.97	3.54%			18.37		
TPB	18.15	GIẢM	GIẢM		18.55				23.94		
VCB	71.20	TĂNG	GIẢM	65.00	64.73	9.54%			73.63		
VCG	25.00	GIẢM	GIẢM		25.24				26.09		
VCS	65.00	TĂNG	GIẢM	57.30	55.32	13.44%			68.26		
VEA	34.40	TĂNG	GIẢM	31.50	31.51	9.21%			59.45		
VGI	26.30	TĂNG	TĂNG	22.60	22.82	16.37%			25.85		
VHM	67.50	TĂNG	TĂNG	66.00	61.85	2.27%		67.10	66.94	0.60%	MUA
VIB	14.70	TĂNG	GIẢM	14.70	14.64	0.00%	MUA		15.52		
VIC	95.90	TĂNG	TĂNG	86.80	86.92	10.48%		95.00	91.02	0.95%	MUA
VJC	116.00	TĂNG	TĂNG	109.10	106.19	6.32%			111.65		
VNM	99.30	TĂNG	GIẢM	94.00	94.13	5.64%			102.01		
VPB	21.75	TĂNG	GIẢM	19.45	19.79	11.83%			22.03		
VRE	26.50	TĂNG	TĂNG	20.85	23.22	27.10%		23.80	23.66	11.34%	MUA

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	11.90	TĂNG	GIẢM	10.80	10.16	10.19%			11.95		
ANV	17.40	TĂNG	TĂNG	14.85	15.69	17.17%			16.44		
ASM	4.80	TĂNG	TĂNG	4.15	4.19	15.66%			4.56		
BMI	19.65	TĂNG	TĂNG	16.95	16.77	15.93%			18.85		
BMP	42.30	TĂNG	TĂNG	37.95	37.51	11.46%			40.61		
BWE	19.00	TĂNG	GIẢM	18.00	16.96	5.56%			19.61		
CEO	6.70	TĂNG	GIẢM	6.80	6.06	-1.47%			7.29		
CII	20.00	GIẢM	GIẢM		20.36				21.58		
CRE	15.45	TĂNG	GIẢM	16.70	15.39	-7.49%			17.38		
CTI	19.70	GIẢM	GIẢM		21.30				23.07		
CTR	37.50	TĂNG	GIẢM	34.50	33.04	8.70%			39.76		
D2D	55.20	TĂNG	GIẢM	51.10	48.08	8.02%			57.71		

We Create Fortune

DBD	50.80	TĂNG	TĂNG	48.80	47.71	4.10%			50.57		
DCM	6.55	TĂNG	TĂNG	5.86	6.09	11.77%		6.40	6.22	2.34%	MUA
DGW	22.90	TĂNG	GIẢM	20.40	21.33	12.25%			23.06		
DHC	34.25	TĂNG	GIẢM	34.00	32.49	0.74%			36.68		
DIG	11.55	TĂNG	GIẢM	11.55	11.53	0.00%	MUA		12.63		
DPG	26.30	TĂNG	GIẢM	24.90	23.88	5.62%			29.59		
DPM	13.95	TĂNG	TĂNG	12.05	13.09	15.77%		13.70	12.75	1.82%	MUA
DRC	18.50	TĂNG	GIẢM	16.70	15.90	10.78%			18.80		
DXG	9.25	TĂNG	GIẢM	8.89	8.12	4.05%			10.75		
E1VFN30	11.95	TĂNG	GIẢM	11.22	11.19	6.51%			11.99		
FCN	8.19	TĂNG	GIẢM	7.58	7.66	8.05%			8.61		
FLC	3.02	TĂNG	GIẢM	3.02	2.74	0.00%			3.57		
GEG	20.15	TĂNG	GIẢM	20.80	19.55	-3.13%			22.70		
GMD	17.40	TĂNG	GIẢM	16.50	15.47	5.45%			17.73		
GTN	15.20	TĂNG	GIẢM	15.00	13.60	1.33%			17.14		
HAG	3.17	TĂNG	GIẢM	2.81	2.89	12.81%			3.22		
HBC	7.85	TĂNG	GIẢM	7.31	6.70	7.39%			8.49		
HCM	16.45	TĂNG	TĂNG	13.55	14.63	21.40%		15.45	15.29	6.47%	MUA
HDC	17.35	TĂNG	GIẢM	16.90	15.15	2.66%			18.98		
HDG	24.40	TĂNG	TĂNG	18.95	20.06	28.76%			21.43		
HPX	26.80	GIẢM	#N/A		28.28			35.30	#N/A	#N/A	
HSG	6.50	TĂNG	TĂNG	5.56	5.66	16.91%			6.20		
HT1	12.50	TĂNG	TĂNG	11.95	11.03	4.60%			12.34		
HTM	12.40	TĂNG	GIẢM	12.80	10.67	-3.13%			15.81		
IBC	21.70	TĂNG	TĂNG	20.80	21.07	4.33%		21.75	20.03	-0.23%	
IDI	3.77	TĂNG	TĂNG	3.31	3.53	13.90%			3.77		
IJC	9.79	TĂNG	GIẢM	9.12	8.66	7.35%			10.53		
ITA	2.06	TĂNG	GIẢM	2.06	2.02	0.00%	MUA		2.27		
KBC	11.90	TĂNG	GIẢM	11.75	10.82	1.28%			12.90		
KDC	17.00	TĂNG	GIẢM	16.90	15.14	0.59%			17.43		
KOS	29.00	TĂNG	TĂNG	28.80	26.23	0.69%		26.30	26.55	10.27%	
KSB	15.50	TĂNG	GIẢM	14.00	13.21	10.71%			16.48		
LDG	5.10	TĂNG	GIẢM	4.93	4.32	3.45%			5.81		
LPB	7.20	TĂNG	GIẢM	7.10	5.88	1.41%			7.48		
MBG	9.20	TĂNG	GIẢM	7.40	7.63	24.32%			14.73		
MBS	9.30	TĂNG	GIẢM	9.90	8.60	-6.06%			10.76		
MPC	23.70	TĂNG	TĂNG	20.80	19.75	13.94%		24.10	17.84	-1.66%	
NBB	19.00	TĂNG	TĂNG	20.05	17.47	-5.24%		18.80	18.61	1.06%	MUA

We Create Fortune

NKG	5.72	TĂNG	GIẢM	5.27	5.02	8.54%			6.27		
NLG	21.00	TĂNG	GIẢM	20.80	19.50	0.96%			23.41		
NT2	19.00	TĂNG	GIẢM	18.10	17.42	4.97%			19.04		
NTL	17.25	TĂNG	GIẢM	17.00	15.68	1.47%			19.42		
NVB	7.90	GIẢM	GIẢM		8.61				9.18		
OGC	2.71	TĂNG	GIẢM	2.67	2.48	1.50%			2.92		
PC1	13.50	TĂNG	TĂNG	11.80	12.16	14.41%			13.23		
PDR	24.80	GIẢM	GIẢM		25.74				26.58		
PHR	42.85	TĂNG	GIẢM	38.85	38.52	10.30%			43.64		
PPC	24.50	TĂNG	GIẢM	23.60	23.20	3.81%			25.05		
PTB	43.35	TĂNG	GIẢM	39.35	38.66	10.17%			45.17		
PVD	9.60	TĂNG	TĂNG	8.06	8.61	19.11%			9.55		
PVI	32.50	TĂNG	TĂNG	29.70	28.94	9.43%		30.70	30.34	5.86%	MUA
PVS	11.90	TĂNG	GIẢM	11.30	10.61	5.31%			12.44		
PVT	9.65	TĂNG	GIẢM	8.61	8.36	12.08%			10.00		
QCG	6.35	TĂNG	GIẢM	6.46	5.27	-1.70%			7.51		
SCR	4.12	TĂNG	GIẢM	4.30	3.69	-4.19%			4.82		
SGP	6.00	TĂNG	GIẢM	5.90	5.56	1.69%			6.54		
SHB	17.90	TĂNG	TĂNG	12.70	15.88	40.94%		7.10	9.88	152.11%	
SHS	8.90	TĂNG	TĂNG	6.90	8.05	28.99%		8.20	7.64	8.54%	MUA
SZC	15.20	TĂNG	GIẢM	14.30	12.99	6.29%			16.12		
TCH	19.80	TĂNG	GIẢM	20.55	18.29	-3.65%			23.67		
TCM	15.30	TĂNG	GIẢM	13.45	14.33	13.75%			15.44		
TDH	8.30	TĂNG	TĂNG	6.73	6.91	23.33%			7.37		
TNG	13.20	TĂNG	TĂNG	9.70	11.50	36.08%		11.70	11.21	12.82%	MUA
TTB	2.69	TĂNG	GIẢM	2.69	2.57	0.00%	MUA		3.86		
VGC	16.45	TĂNG	TĂNG	14.90	14.74	10.40%			16.05		
VGT	8.30	TĂNG	TĂNG	7.10	7.47	16.90%			8.06		
VHC	29.20	TĂNG	TĂNG	25.10	25.04	16.33%			27.51		
VND	11.70	GIẢM	GIẢM		12.19				12.80		
VNG	12.75	GIẢM	GIẢM		13.48				14.72		
VPI	41.45	TĂNG	TĂNG	42.00	40.49	-1.31%		41.30	40.58	0.36%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	5.10	TĂNG	GIẢM	5.00	4.37	2.00%			6.04		
AGR	2.80	TĂNG	GIẢM	2.78	2.59	0.72%			2.94		
AMD	2.93	GIẢM	GIẢM		3.25				4.02		
APG	9.15	TĂNG	GIẢM	8.75	8.77	4.57%			9.84		
ART	2.30	GIẢM	GIẢM		2.44				3.02		
BCG	5.06	TĂNG	GIẢM	4.94	4.48	2.43%			5.72		
C4G	5.20	TĂNG	GIẢM	4.50	4.64	15.56%			5.42		
C69	6.80	TĂNG	GIẢM	5.40	5.35	25.93%			7.87		
CCL	5.95	TĂNG	TĂNG	4.68	5.00	27.14%			5.68		
CVT	17.80	TĂNG	TĂNG	16.90	16.59	5.33%			17.79		
DAH	9.70	TĂNG	GIẢM	9.26	8.52	4.75%			10.18		
DLG	1.61	GIẢM	GIẢM		1.69				2.00		
DRH	4.75	TĂNG	GIẢM	3.75	4.07	26.67%			4.83		
DTD	10.60	GIẢM	GIẢM		10.63				12.32		
EVG	2.50	TĂNG	GIẢM	2.47	2.25	1.21%			2.73		
FIT	6.15	TĂNG	GIẢM	5.99	5.27	2.67%			7.35		
FTM	1.57	TĂNG	GIẢM	1.47	1.22	6.80%			2.19		
FUES SV50	10.80	TĂNG	TĂNG	9.90	10.21	9.09%		10.40	10.31	3.85%	MUA
GKM	17.00	TĂNG	TĂNG	15.70	15.89	8.28%		14.90	14.87	14.09%	
HAH	10.20	TĂNG	TĂNG	9.44	9.34	8.05%			10.15		
HAI	2.73	GIẢM	GIẢM		3.12				3.97		
HAR	2.84	TĂNG	GIẢM	2.56	2.41	10.94%			3.15		
HDA	7.00	GIẢM	GIẢM		7.09				7.81		
HHP	13.40	TĂNG	TĂNG	13.80	12.79	-2.90%		13.20	11.66	1.52%	
HHS	3.68	TĂNG	GIẢM	3.68	3.61	0.00%	MUA		4.08		
HID	2.34	TĂNG	GIẢM	2.34	2.04	0.00%			2.69		
HII	12.40	GIẢM	TĂNG		13.58			11.00	11.88	12.73%	
HQC	1.10	GIẢM	GIẢM		1.13				1.31		
HSL	6.09	TĂNG	TĂNG	4.10	5.84	48.54%		5.35	5.01	13.83%	MUA
HUT	1.50	TĂNG	GIẢM	1.60	1.26	-6.25%			1.94		
HVG	5.19	GIẢM	GIẢM		6.28				6.74		
HVH	7.93	TĂNG	GIẢM	7.65	6.87	3.66%			9.52		
IDJ	16.00	GIẢM	GIẢM		17.99				19.86		

We Create Fortune

JVC	2.80	TĂNG	GIẢM	2.53	2.53	10.67%			3.00		
KLF	1.40	GIẢM	GIẢM		1.69			1.50	1.44	-4.15%	BÁN
LCG	5.10	TĂNG	GIẢM	4.51	4.38	13.08%			5.15		
LGL	5.08	TĂNG	GIẢM	4.79	4.44	6.05%			5.40		
LHG	14.00	TĂNG	TĂNG	12.60	12.62	11.11%			13.83		
LMH	1.27	GIẢM	GIẢM		1.30				2.56		
MST	2.70	GIẢM	GIẢM		3.27				4.98		
NDN	16.70	TĂNG	TĂNG	15.80	15.17	5.70%		16.20	16.08	3.09%	MUA
PHC	9.90	TĂNG	GIẢM	10.50	9.38	-5.71%			10.81		
PLP	7.49	TĂNG	GIẢM	6.94	6.20	7.93%			8.53		
PVB	12.20	TĂNG	TĂNG	9.60	10.77	27.08%		11.50	10.98	6.09%	MUA
PVC	5.00	TĂNG	GIẢM	4.90	4.55	2.04%			5.27		
PVX	1.00	TĂNG	GIẢM	1.00	0.81	0.00%			1.06		
PXL	7.90	TĂNG	TĂNG	8.10	7.37	-2.47%		6.70	6.88	17.91%	
SHI	8.70	TĂNG	GIẢM	8.70	8.06	0.00%			9.06		
SJF	1.27	GIẢM	GIẢM		1.35				1.66		
SPP	0.50	GIẢM	GIẢM		0.61				1.39		
TDC	7.20	TĂNG	GIẢM	7.06	6.63	1.98%			7.53		
TIG	5.40	TĂNG	GIẢM	5.30	4.55	1.89%			6.68		
TLH	2.70	GIẢM	GIẢM		2.74				3.12		
TNA	15.00	TĂNG	GIẢM	16.30	13.60	-7.98%			18.25		
TNI	10.40	TĂNG	GIẢM	10.60	9.85	-1.89%			10.85		
TSC	2.15	GIẢM	GIẢM		2.26				2.78		
TTF	2.16	TĂNG	GIẢM	2.15	1.91	0.47%			2.44		
TTH	1.70	GIẢM	GIẢM		1.80				2.14		
TVC	26.10	GIẢM	GIẢM		26.83				30.87		
VC3	17.20	TĂNG	TĂNG	15.80	16.29	8.86%		16.90	16.61	1.78%	MUA
VCR	8.00	GIẢM	TĂNG		8.70			12.90	7.61	-37.98%	
VNA	2.00	GIẢM	GIẢM		2.21				2.84		
VNE	3.89	TĂNG	GIẢM	3.65	3.47	6.58%			3.94		
VRC	5.35	TĂNG	GIẢM	5.35	5.29	0.00%	MUA		7.77		



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	780.7	0.45%
VN30	726.57	0.52%
VN Mid	760.5	1.00%
VN Small	657.14	0.57%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	108.75	0.38%
HN30	205.97	0.25%
VNX AllSh	698.04	0.53%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	51.54	0.05%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	509.37	
Bán	688.68	
GT ròng	-179.31	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	1.32	
Bán	17.93	
GT ròng	-16.61	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	16.79	
Bán	36.28	
GT ròng	-19.49	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
CSV	1400	7.00%
PVT	630	6.98%
YEG	3600	6.98%
DBC	1700	6.94%
SVI	4200	6.93%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
LAS	500	9.09%
AMV	900	6.08%
PVI	1800	5.86%
DGC	800	3.54%
L14	1700	3.15%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VSN	3099	12.30%
BCM	2234	11.70%
LTG	1764	9.85%
VEF	5897	9.04%
M10	1824	7.66%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
IDI	-140	-3.58%
TCM	-550	-3.47%
GVR	-350	-3.14%
AGG	-900	-3.13%
CRE	-450	-2.83%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SHS	-300	-3.26%
CEO	-200	-2.90%
NVB	-200	-2.47%
TNG	-300	-2.22%
TVC	-400	-1.51%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VEA	-877	-2.48%
BSR	-56	-0.98%
QNS	-206	-0.91%
CTR	-275	-0.73%
HND	-74	-0.44%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	324,713	
VCB	262,959	
VHM	223,029	
VNM	172,745	
BID	150,021	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	33,587	
SHB	31,596	
VCG	11,043	
VCS	10,224	
PVI	7,095	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	117,038	
VEA	47,063	
MCH	46,905	
BCM	19,720	
BSR	17,555	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	14,415,090	17,248,119
ITA	10,036,390	2,985,608
STB	7,634,020	10,184,176
HPG	6,665,670	8,918,480
MSN	6,581,480	2,580,040

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
PVX	4,859,242	1,782,835
PVS	4,540,460	5,229,760
SHB	4,356,677	6,045,923
HUT	2,072,604	4,397,981
ACB	1,895,218	4,287,995

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
LPB	4,387,633	2,925,732
BSR	3,552,453	3,283,305
OIL	1,241,790	540,631
LTG	741,777	130,535
VIB	488,261	870,131

Nguồn: Bloomberg & YSVN

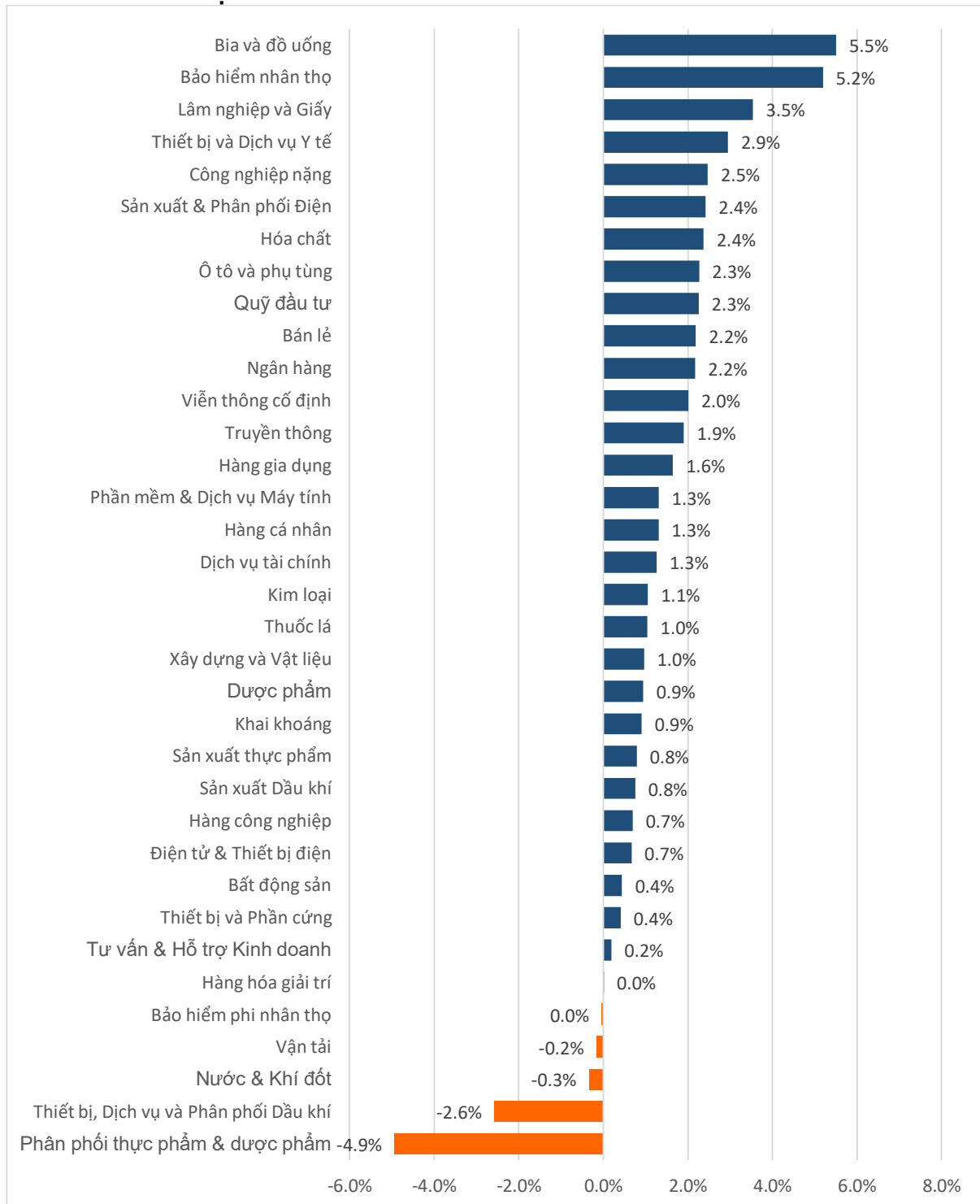
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create Fortune

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



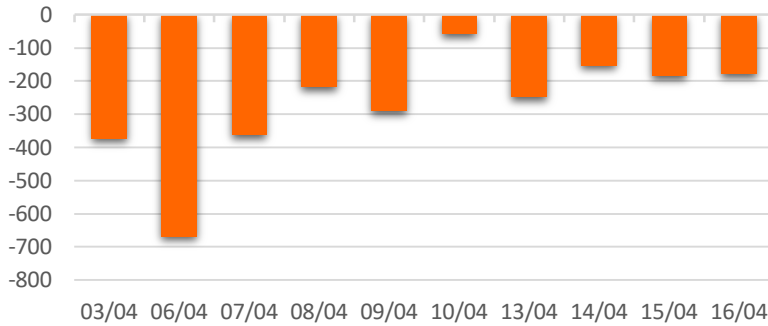
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

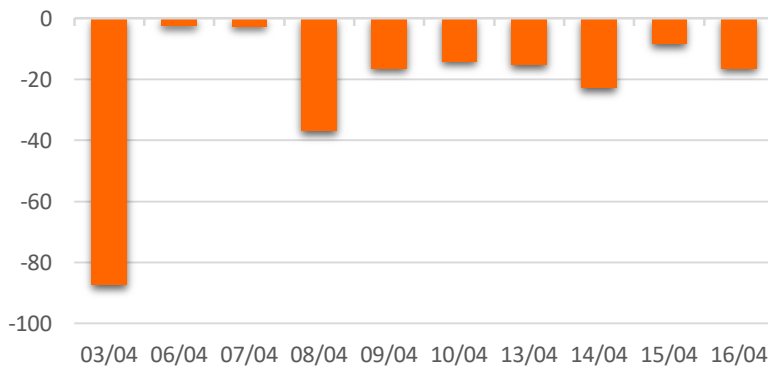
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VRE	19,806	VIC	40,290
HPG	7,437	VNM	35,854
NVL	6,463	BID	24,193
HCM	4,429	DXG	23,293
VHC	3,830	VHM	19,004

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

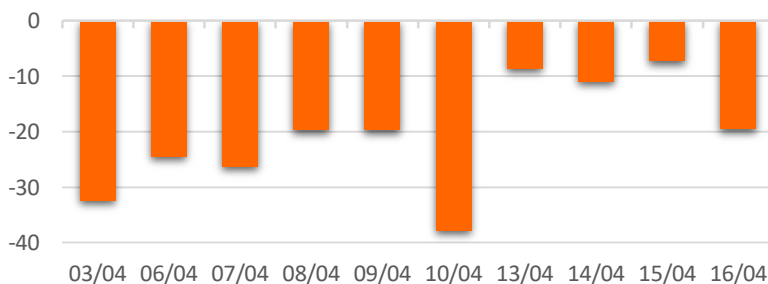
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
WCS	140	SHB	6,895
HHG	62	TNG	3,856
IVS	27	PVS	2,230
PMC	22	VCS	1,005
HLD	15	LAS	745

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
LPB	735	BSR	9,797
QNS	147	ACV	6,578
BDG	113	VEA	2,699
CTR	108	BCM	1,776
KHD	95	VIB	737

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



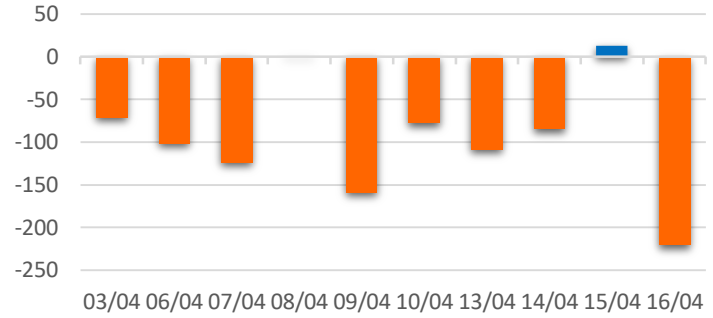
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

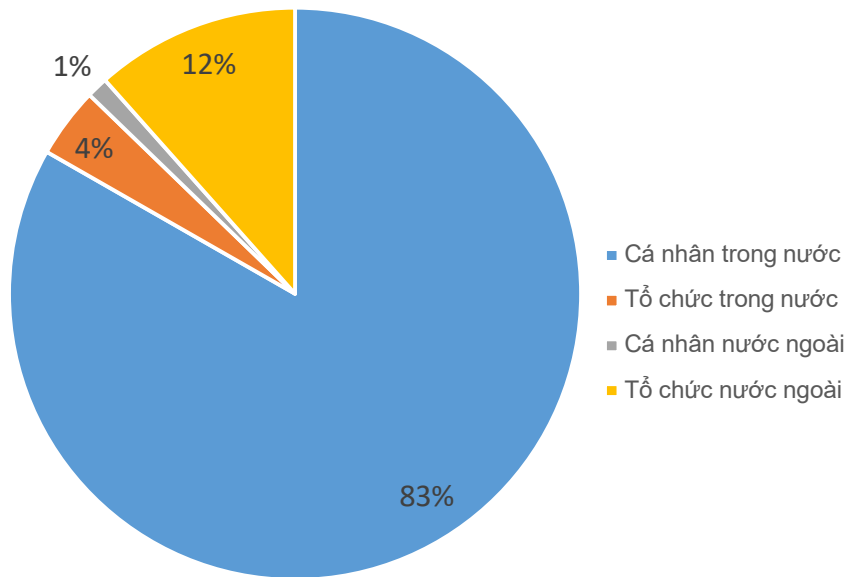
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
HPG	32,718	MSN	318,146
FPT	26,803	GEX	78,030
MBB	22,193	DBC	27,489
HAX	22,120	PLX	15,179
MWG	22,117	MWG	9,177

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

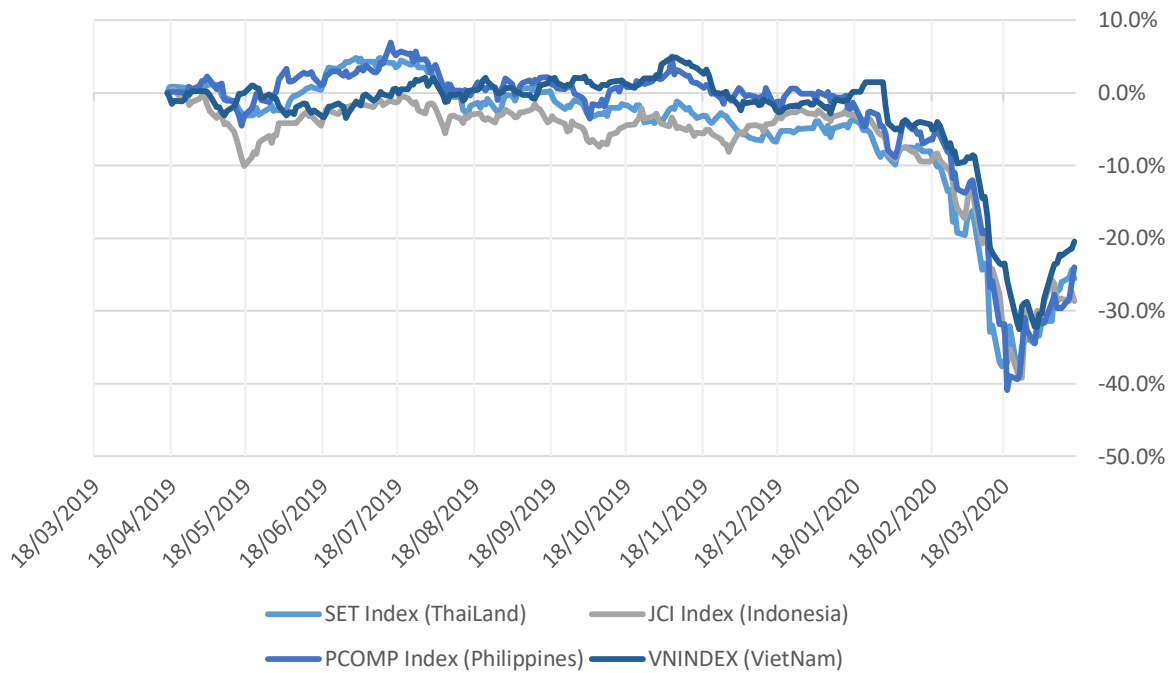


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

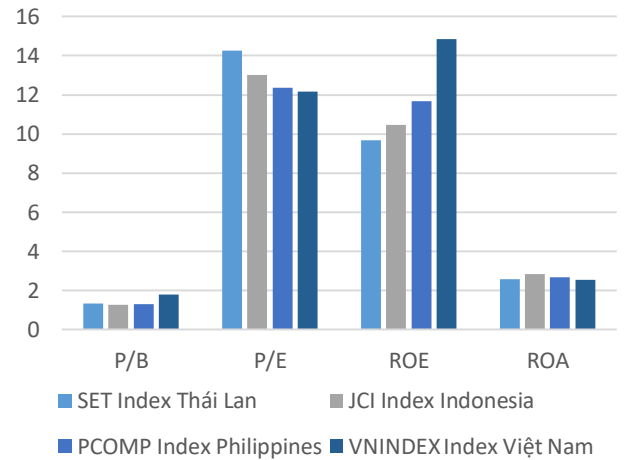
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.3x	1.3x	1.3x	1.8x
P/E		14.3x	13.0x	12.4x	12.2x
ROE	%	9.69	10.46	11.66	14.86
ROA	%	2.56	2.84	2.65	2.53
Vốn hóa	Tỷ USD	405.95	343.92	147.34	115.67
GTGD	Triệu USD	1.88	0.37	0.14	0.14
LS cổ tức	%	4.17	3.56	2.30	2.36

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Lý Thị Hiền

Trưởng phòng NC-PT

+84 28 3622 6868 ext 3908

hien.ly@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khankh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Nguyễn Mạnh Hoạt

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868 ext 3847

hoat.nguyen@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868 ext 3701

phong.bui@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Đinh Thị Thu Cúc

Giám đốc chi nhánh Vũng Tàu

+84 28 3622 6868 ext 3203

cuc.dinh@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

Giám đốc trung tâm kinh doanh Nam Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn



We Create Fortune

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written